

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST

Ngày 24 - 9 - 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh; Ông Trương Minh Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST-DS ngày 26/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ: B - B C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn L và ông Bùi Quốc T;

Địa chỉ: A L, tp B, tỉnh Đắk Lắk. (Ông L có mặt, ông T vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà H' Kít Êban, sinh năm 1959. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Y Yin Ê, sinh năm 1985. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

+ Chị H Yen Êl, sinh năm 1987. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- + Chị **H Tit Ê2**, sinh năm 1991. (Vắng mặt);
Địa chỉ: **Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**
- + Anh **Y La Ê3**, sinh năm 1994. (Vắng mặt);
Địa chỉ: **Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**
- + Anh **Y Tư Ê4**, sinh năm 1997. (Vắng mặt);
Địa chỉ: **Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**
- + Anh **Y Hui Ê5**, sinh năm 1997. (Vắng mặt);
Địa chỉ: **Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N**, ông **Vũ Văn L** trình bày:

Ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** cùng **Ngân hàng TMCP N** đã ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 1134/2017/502- CV ngày 14/09/2017, kèm theo giấy nhận nợ số 01/GNN-1134/2017/502-CV ngày 15/09/2017 để vay tiền, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 160.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục sản xuất nông nghiệp; Lãi suất trong hạn: 11.4 %/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm; Thời hạn vay: Từ ngày 15/09/2017 đến ngày 15/09/2022;

Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 01/06/2023 là: 239.469.667 đồng, trong đó: + Nợ gốc : 139.999.685 đồng; Nợ lãi : 99.469.982 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0886/2017/502-BĐ ngày 14/09/2017 là: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ 75, địa chỉ: **Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích: 8.670 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BỊ 551014, sổ vào sổ cấp GCN số CH 00568 do **UBND huyện C** cấp ngày 13/2/2012.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Số tiền mà ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** đã thanh toán cho khoản vay là 47.762.755 đồng (Trong đó thu gốc 20.000.315 đồng, thu lãi 27.762.440 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** trả nợ nhưng ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** vẫn không thực hiện.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với **Ngân hàng TMCP N** của ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** đã vi phạm các điều khoản cam kết theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của **Ngân hàng TMCP N**. Chính vì những lý do trên, **Ngân hàng TMCP N** kính đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết, như sau:

Tuyên buộc bà **H Kít Ê6** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP N** toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và tiền chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng, tổng dư nợ của khoản vay phải trả tạm tính đến ngày 24/9/2024 là: 279.490.352 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 139.999.685 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn 42.244.458 đồng; Lãi chậm trả lãi: 16.228.846đ; Nợ lãi quá hạn 81.017.677đ.

Do ông **Y Sap B** đã chết nên Ngân hàng đề nghị những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là các con của ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** phải có trách nhiệm cùng bà **H Kít Êban** trả khoản nợ trên trong phạm vi di sản mà ông **Y Sap B** và bà **H Kít Ê6** để lại. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi theo quy thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà **H Kit Ê7** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; giấy nhận nợ đã ký thì **Ngân hàng TMCP N** được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp 0886/2017/502-BĐ ngày 14/09/2017 là: Quyền sử dụng đối với Thửa đất số 220, tờ bản đồ 75, Địa chỉ : **Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích: 8670 m² chiều theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1 551014, số vào sổ cấp GCN số CH 00568 do **UBND huyện C** cấp ngày 13/2/2012

** Bị đơn bà **H'Kít Ê8** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án nên tòa án không ghi nhận được ý kiến về đơn khởi kiện, hay yêu gì đối với di sản mà ông **Y Sáp B1** để lại.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

+ Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: **Áp dụng các** Điều 463; Điều 466; Điều 615; Điều 299 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn cư trú tại **huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Ngày 11/9/2019 ông **Y S** chết trước khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phát sinh nghĩa

vụ tài sản do người chết để lại. Do vậy, TAND huyện Cư M'gar xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS TAND huyện Cư Mgar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông **Y Sáp B1** chết ngày 08/8/2019 và được **UBND xã E**, huyện Cư M'gar cấp giấy chứng tử số 39/TLKT-BS ngày 11/9/2019 trước khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng nên anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** là hàng thừa kế thứ nhất của ông **Y Sáp B1**, tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bố mẹ ông **Y Sáp B1**: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác, quá trình xác minh tại **Công an xã E** và **Công an huyện C** chỉ thể hiện bố ông **Y Sáp B1** là ông **Y Lep Ê9**, mẹ là bà **H Brai B2**, cả bố và mẹ của ông **Y Sáp B1** đều không rõ sinh năm bao nhiêu? Không rõ cư trú tại đâu? Không xác định được còn sống hay đã chết? Nên tòa án không có cơ sở để đưa bố mẹ ông **Y Sáp B1** vào tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung hợp đồng:

[3.1] **Ngân hàng TMCP N** (Gọi tắt là Ngân hàng) và bà **H Kít Ê6**, ông **Y Sáp B1** đã ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 1134/2017/502 - CV ngày 14/09/2017, kèm theo giấy nhận nợ số 01/GNN-1134/2017/502 - CV ngày 15/09/2017 của bà **H Kít Ê6**, ông **Y Sáp B1** để vay: 160.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục sản xuất nông nghiệp; Lãi suất trong hạn: 11.4 %/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm; Thời hạn vay: Từ ngày 15/09/2017 đến ngày 15/09/2022;

Về tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ 75, Địa chỉ: **Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích: 8670 m² chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Bi 551014, số vào sổ cấp GCN số CH 00568 do **UBND huyện C** cấp ngày 13/2/2012 theo hợp đồng thế chấp số 0886/2017/502-BĐ ngày 14/09/2017.

[3.2]. Xét các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, giữa bà **H Kít Ê6**, ông **Y Sáp B1** với **Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ** đã ký là hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà **H Kít Ê6** và ông **Y Sáp B1** không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay như cam kết, không trả đủ nợ gốc, lãi khi đến hạn. Tính đến nay bà **H Kít Ê6** và ông **Y Sáp B1** chỉ trả được cho **Ngân hàng TMCP N** với số tiền là: 47.762.755 đồng (Trong đó thu gốc 20.000.315 đồng, thu lãi 27.762.440 đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ vay và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngày 08/8/2019 ông **Y S** chết trước khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phát sinh nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Y Sáp B1** nên phải có trách nhiệm cùng bà H Kít Êban trả nợ cho **Ngân hàng TMCP N**. Số tiền phải trả tạm tính đến tạm tính đến ngày 24/9/2024 là: 279.490.352 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 139.999.685 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn 42.244.458 đồng; Lãi chậm trả lãi: 16.228.846đ; Nợ lãi quá hạn 81.017.677đ.

Anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** chỉ phải trả khoản nợ này trong phạm vi giá trị di sản do ông **Y Sáp B1** để lại.

[3.4]. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà H Kít Êban, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 220, tờ bản đồ 75, địa chỉ: **Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích: 8.670 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 551014, số vào sổ cấp GCN số CH 00568 do **UBND huyện C** cấp ngày 13/2/2012 theo Hợp đồng thế chấp số 0886/2017/502-BĐ ngày 14/09/2017.

Khi bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 551014, số vào sổ cấp GCN số CH 00568 cho bà H Kít Êban.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ bị đơn bà **H Kít Ê6**.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể: 279.490.352 đồng x 5% = 13.974.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 613, Điều 615; Điều 299 Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của **Ngân hàng NI**.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần N**.

[1] Buộc bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4** và anh **Y Hui Ê5** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** số tiền 279.490.352 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, bà trăm năm mươi hai đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 139.999.685 đồng;

+ Nợ lãi tạm tính đến ngày 24/9/2024: Nợ lãi trong hạn 42.244.458 đồng; Lãi chậm trả lãi: 16.228.846đ; Nợ lãi quá hạn 81.017.677đ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1134/2017/502 - CV ngày 14/09/2017 cho đến khi trả hết nợ. Anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** chỉ phải trả khoản nợ này trong phạm vi giá trị di sản do ông **Y Sáp B1** (Đã chết) để lại.

Khi bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y H1 Ê** ban trả xong nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 551014, sổ vào sổ cấp GCN số CH 00568 cho bà **H Kít Ê** ban.

Trường hợp bà **H Kít Ê6**, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 220, tờ bản đồ 75; địa chỉ: **Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích: 8.670 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1 551014, sổ vào sổ cấp GCN số CH 00568 do **UBND huyện C** cấp ngày 13/2/2012 theo Hợp đồng thế chấp số 0886/2017/502-BĐ ngày 14/09/2017.

[2]. Về án phí: Bà **H Kít Ê** ban, anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** phải liên đới chịu 13.974.000 đồng (Đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh **Y Yin Ê**, chị **H Yen Ê1**, chị **H Tit Ê2**, anh **Y La Ê3**, anh **Y Tư Ê4**, anh **Y Hui Ê5** chỉ phải trả án phí trong phạm vi giá trị di sản do ông **Y Sáp B1** để lại.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại 5.987.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014465 ngày 24/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà **H Kít Ê6** phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ bà **H Kít Ê6**.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu TA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bế Văn Toàn